

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 25/01/2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI.**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Vàng Đình Vi

+ Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX- ST, ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Văn Kh - sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn L 1, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lý Thị M - sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn L1, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 02/01/2019 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn anh Dương Văn Kh trình bày: Tôi và cô M về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006. Nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền theo quy định. Sau khi cưới chúng tôi sống hạnh phúc được mấy năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống mỗi người một quan điểm sống, luôn bất hòa trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Dẫn đến cuộc sống không thể hòa hợp được, giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra cãi, chửi lẫn nhau, không tôn trọng nhau, thường xuyên xúc phạm lẫn nhau. Từ những nguyên nhân đó dẫn đến mâu thuẫn giữa chúng tôi ngày càng trầm trọng, không thể chung sống được với nhau, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và tổ hòa giải của

thôn đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa. Nay xét thấy tình cảm không còn, để đảm bảo cuộc sống sau này của mỗi người tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận mối quan hệ giữa tôi và cô Lý Thị M là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa tôi và cô M đã có 02 con chung. Cháu lớn tên là Dương Quang Kh - Sinh ngày 29 tháng 03 năm 2007. Cháu nhỏ tên là Dương Ngọc Kh - Sinh ngày 29 tháng 7 năm 2010. Khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho cô M được nuôi cháu Kh và cháu Kh1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tôi sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Kh1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Kh1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh Kh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2019 bị đơn chị Lý Thị M trình bày: Tôi hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của anh Kh về thời gian sống chung và quá trình chung sống từ năm 2006 cho đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chúng tôi là do bất đồng quan điểm sống, làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng xảy ra đánh, cãi nhau, anh Khung đi làm ăn xa nhà, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh Kh làm đơn xin ly hôn tôi, xét thấy tình cảm giữa chúng tôi không còn, nên tôi nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa tôi và anh Kh có 02 con chung. Cháu lớn tên là Dương Quang Kh - Sinh ngày 29 tháng 03 năm 2007. Cháu nhỏ tên là Dương Ngọc Kh - Sinh ngày 29 tháng 7 năm 2010. Khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi cháu Kh và cháu Kh1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tôi yêu cầu anh Kh phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Kh1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Kh1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố: Không công nhận mối quan hệ giữa anh Dương Văn Kh với chị Lý Thị M là vợ chồng. Về nuôi con khi ly hôn: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao cho Lý Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Quang Kh - Sinh ngày 29 tháng 03 năm 2007 và cháu Dương Ngọc Kh - Sinh ngày 29 tháng 7 năm 2010, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Dương Văn Kh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Dương Ngọc Kh1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Kh1 đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn Kh và chị Lý Thị M về chung sống với nhau từ năm 2006, tuy có thời gian chung sống hạnh phúc và được gia đình hai bên đồng ý, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình. Đến thời điểm anh Dương Văn Kh làm đơn khởi kiện xin ly hôn thì anh, chị có đủ các điều kiện để đăng ký theo qui định của pháp luật nhưng anh, chị đã không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, việc anh Kh và chị M chung sống không có đăng ký theo qui định là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết, áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố quan hệ giữa anh Dương Văn Kh và chị Lý Thị M không phải là vợ chồng.

[2] Về nuôi con khi ly hôn: Cả hai anh chị đều thừa nhận có 02 con chung. Cháu lớn tên là Dương Quang Kh - Sinh ngày 29 tháng 03 năm 2007. Cháu nhỏ tên là Dương Ngọc Kh - Sinh ngày 29 tháng 7 năm 2010.

Anh Kh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được nuôi cháu Kh và cháu Kh1, anh Kh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Kh1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Kh1 đủ 18 tuổi.

Chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai cháu Kh và cháu Kh1. Chị M yêu cầu anh Kh phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Kh1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Kh1 đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử, thấy rằng cháu Dương Quang Kh và cháu Dương Ngọc Kh đều có nguyện vọng muốn được sống cùng với chị M. Hiện tại hai cháu đang sống cùng với chị M. Anh Kh và chị M đều có điều kiện để nuôi dạy con trưởng thành và đảm bảo cho sự phát triển của cháu Kh1 và cháu Kh. Tại Biên bản hòa giải về quan hệ nuôi con khi ly hôn ngày 11/01/2019. Anh Kh và chị M đã thỏa thuận để chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Quang Kh - Sinh ngày 29 tháng 03 năm 2007 và cháu Dương Ngọc Kh - Sinh ngày 29 tháng 7 năm 2010, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Kh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Kh1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Kh1 đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, anh Kh và chị M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận đề nghị của anh Kh và tôn trọng sự thỏa thuận việc nuôi con giữa anh Kh và chị M. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh Kh và chị M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các bên và đúng theo qui định của pháp luật cần được công nhận và ghi trong bản án.

[3] Về tài sản chung: anh Dương Văn Kh và chị Lý Thị M tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Văn Kh phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh Dương Văn Kh và chị Lý Thị M được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa anh Dương Văn Kh và chị Lý Thị M là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Công nhận sự thỏa thuận của anh Dương Văn Kh và Chị Lý Thị M như sau: Chị Lý Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Quang Kh - Sinh ngày 29 tháng 03 năm 2007 và cháu Dương Ngọc Kh - Sinh ngày 29 tháng 7 năm 2010, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Dương Văn Kh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Dương Ngọc Kh mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Kh1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Dương Văn Kh phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002312, ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Hà. Anh Kh còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- ND Khung ;
- BD Mến;
- TAND tỉnh Lào Cai ;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà;
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- Lưu HS;THS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thọ